

895.922 803

ĐC

TH 309 T

HỒ SƠN ĐÀI
(Chủ biên)

Thiếu tướng **LƯƠNG VĂN NHỎ**



từ
nhân
chứng
đến
người
viết
sử



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Thiếu tướng Lương Văn Nho
Từ nhân chứng đến người viết sử

103025

**NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH**

V - V24

64 - 2008
QĐND - 2008

HỒ SƠN ĐÀI
(Chủ biên)

Thiếu tướng
LƯƠNG VĂN NHO
Từ nhân chứng đến người viết sử
(In lần thứ hai)

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

2018/ĐC/VV 00001403

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
Hà Nội - 2008



Thiếu tướng LƯƠNG VĂN NHO
(1916 - 1984)

LỜI GIỚI THIỆU

Thiếu tướng Lương Văn Nho, tên thường gọi là Hai Nhã (1916 - 1984), quê nội thuộc huyện Tân Uyên tỉnh Biên Hòa (nay thuộc tỉnh Bình Dương), nhưng sinh tại quê ngoại, ấp Xóm Trầu, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Biên Hòa (nay là Đồng Nai).

Từ một học sinh đậu bằng Thành Chung - Trường Tây, làm kế toán, thư ký kho bạc ở Chợ Lớn và Biên Hòa, ông giác ngộ cách mạng, tham gia cướp chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945 ở Bà Rịa; rồi từ một Ủy viên quân sự huyện Long Thành, trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, xây dựng lực lượng vũ trang sau chiến tranh, Lương Văn Nho đã trở thành một tướng lĩnh trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Thiếu tướng Lương Văn Nho đã đi xa. Vợ và cả ba người con của ông cũng đã cùng ông về cõi vĩnh hằng. Ông và gia đình không để lại gì - một gia cảnh đặc biệt của một vị tướng, nhưng trong tâm trí, tình cảm của bà con cô bác, những đồng chí đồng đội đã một thời chiến đấu, công tác, chia ngọt sẻ bùi với ông thì không thể quên cái tên Lương Văn Nho, anh Hai, chú Hai Nhã,

một đại đội trưởng Chi đội 10, Trung đoàn phó Tham mưu trưởng Trung đoàn 397, Tiểu đoàn 300 tỉnh Bà Chợ, những đơn vị đã làm nên những trận đánh nổi tiếng trong kháng chiến chống Pháp như Trảng Tảo, Bảo Chánh, Bàu Cá, La Ngà, diệt Chi khu Cần Giờ... Đó còn là hình ảnh một Chủ nhiệm pháo binh Miền, tác giả những trận đánh pháo binh nổi tiếng ở Bình Giã, đặc biệt là trận pháo kích sân bay Biên Hòa năm 1964 được Bác Hồ khen ngợi; là Tư lệnh Đặc khu Rừng Sác với uy danh Đoàn 10 đặc công lập nên những kỳ tích: Chặn sông Lòng Tàu, đánh tàu địch, tập kích kho xăng Nhà Bè, kiểm soát con đường thủy huyết mạch nối Sài Gòn với Biển Đông của Mỹ ngụy...

Sau khi tham gia Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 với cương vị Tư lệnh Phân khu 4, hướng tiến công vào Sài Gòn từ hướng đông, đồng chí Lương Văn Nho giữ chức Tư lệnh Quân khu 7 vừa thành lập lại, tiếp đó về Tây Ninh làm Phó Tham mưu trưởng Miền, trực tiếp chỉ huy Đoàn 370, Khu C20, Khu C50, góp phần tích cực xây dựng căn cứ địa bắc Tây Ninh; phụ trách Đoàn 315 thi hành Hiệp định Pa-ri tại B2 và cùng Cục Tham mưu Miền làm tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ cho đến ngày toàn thắng 30 tháng 4 năm 1975.

Chiến tranh kết thúc, Bộ Chỉ huy Miền giải thể, đồng chí về làm Phó Tư lệnh Quân khu 7, chỉ đạo, tổ chức ngành lịch sử quân sự B2 và Quân khu 7... một "mặt trận" mới với không ít thử thách, khó khăn. Nhưng với kinh nghiệm của một cán bộ dạn dày trận mạc, với tình cảm thủy chung sâu nặng với quê hương, ý thức tôn trọng

lịch sử, đồng cảm, chia sẻ với những hy sinh, mất mát của đồng bào, đồng chí trong chiến tranh, dưới sự chủ trì của ông, nhiều công trình, nhiều chuyên đề tổng kết chiến tranh có giá trị thuộc B2 đã được tổ chức sưu tầm tư liệu, sơ thảo, được các thế hệ cán bộ tiếp nối của ngành lịch sử Quân khu 7 hoàn chỉnh, xuất bản. Lương Văn Nho, từ một nhân chứng đã trở thành “Một nhà làm sử quân đội cần mẫn, tận tụy, có lối nhìn và phương pháp khoa học Mác xít” (Nhận xét của Giáo sư Trần Văn Giàu).

Với dung lượng 200 trang in, được bố cục hợp lý thành 2 phần: Những bài viết về Thiếu tướng Lương Văn Nho; Một số bài viết của ông cùng một số hình ảnh, tư liệu minh họa; với cách viết dung dị, tình cảm, khách quan, hy vọng cuốn “Thiếu tướng Lương Văn Nho, từ nhân chứng đến người viết sử” do Đại tá TS. Hồ Sơn Đài chủ biên như những nét chạm khắc sinh động thể hiện được nhân cách, chân dung Thiếu tướng, đồng thời làm sáng tỏ nhiều sự kiện, nhân chứng liên quan đến lịch sử lực lượng vũ trang Quân khu 7; tạo tình cảm tốt đẹp với đông đảo bạn đọc.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN
QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Phần một

**NHỮNG BÀI VIẾT
VỀ THIẾU TƯỚNG LƯƠNG VĂN NHỎ**

TỪ NHÂN CHỨNG ĐẾN NGƯỜI VIẾT SỬ

Đại tá TS. Hồ Sơn Đài^()*

Thiếu tướng Lương Văn Nho đột ngột và yên lặng đi vào cõi ngàn năm như người ta ngủ thiếp đi sau một chiều làm việc mệt nhọc.

Con người ở đời, sinh ra rồi phải mất đi, đó là lẽ tạo hóa. Nhưng sự ra đi của ông ngay trên bàn họp của Phòng Lịch sử quân sự như người ký mã gục đầu trên yên ngựa làm cho người ta hiểu rằng, nghiên cứu lịch sử là công việc khó khăn đến dường nào và vì nó mà con người có thể làm việc đến kiệt cùng sức lực ra sao.

*

* *

Thiếu tướng Lương Văn Nho tên thường gọi là Hai Nhã, vốn họ Đỗ - cha ông là Đỗ Văn Thượng, một viên chức nhỏ quê ở làng Tân Ba huyện Tân Uyên tỉnh Biên Hòa (nay thuộc tỉnh Bình Dương). Ông sinh

^(*) Trưởng Phòng Khoa học, công nghệ và Môi trường Quân khu 7.

năm 1916 ở quê ngoại, lấy họ mẹ (bà Lương Thị Thìn), tại ấp Xóm Trầu xã Long An huyện Long Thành tỉnh Biên Hòa (nay thuộc tỉnh Đồng Nai).

Thời trẻ, Lương Văn Nho là người tuấn tú dĩnh ngộ, học đến bằng thành chung bằng học bổng trường Tây. Mười tám tuổi vào làm kế toán ở hăng xà phòng Trương Văn Bên - Chợ Lớn. Năm 1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Chính phủ Mặt trận bình dân Pháp bị đổ, bọn thuộc địa ở Đông Dương thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng. Lương Văn Nho rời hăng xin về làm chân thư ký ở kho bạc tỉnh Biên Hòa. Và từ đây, ông lần lần giác ngộ cách mạng, rồi bỏ sở tham gia Thanh niên Tiền phong, khởi nghĩa cướp chính quyền ở Bà Rịa, làm ủy viên kinh tế - tài chính Ủy ban nhân dân huyện Long Thành sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công.

Nam Bộ kháng chiến! Lương Văn Nho được cử làm ủy viên quân sự Long Thành, phụ trách đơn vị vũ trang tập trung của huyện cho đến khi sáp nhập với lực lượng vũ trang chung của tỉnh để thành lập Chi đội 10 Biên Hòa, chi đội làm nên những trận đánh lừng danh sau đó ở Trảng Táo, Bảo Chánh, Bàu Cá, La Ngà... Cuộc kháng chiến ngày một ác liệt hơn. Ông vừa đảm nhiệm công tác chỉ đạo kháng chiến và lực lượng vũ trang ở địa phương (Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chánh huyện Long Thành, Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội dân quân tỉnh Biên Hòa, Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội dân quân tỉnh Bà Rịa); vừa trực tiếp

chỉ huy đơn vị vũ trang tập trung của tỉnh (Đại đội trưởng Đại đội C Chi đội 10, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Quang Trung, Trung đoàn 310, Trung đoàn phó kiêm tham mưu trưởng Trung đoàn 397...).

Giữa năm 1951, chiến trường Nam Bộ có sự thay đổi lớn về tổ chức chiến trường và lực lượng, các trung đoàn chủ lực giải thể, từng địa phương kề liền sáp nhập lại về đơn vị hành chính. Lương Văn Nho về làm Tỉnh đội phó kiêm Tham mưu trưởng Tỉnh đội Bà Chơ, góp phần chỉ đạo Tiểu đoàn 300 và dân quân tự vệ, giữ vững phong trào du kích chiến tranh, thực hiện công tác địch nguy vận, tổ chức các trận tập kích tiêu diệt chi khu Cần Giờ, đốt cháy kho xăng Nhà Bè, đánh chìm tàu Sain Loubarbier và nhiều phương tiện giao thông của địch trên quốc lộ 15, trên sông Lòng Tàu - Rừng Sác. Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, ông tham gia Ủy ban liên hiệp đình chiến khu vực Hàm Tân - Xuyên Mộc, tổ chức học tập chính trị, bố trí lực lượng ở lại và lực lượng hành quân tập kết ra miền Bắc.

Hòa bình lập lại trên miền Bắc. Trong đội hình bộ đội miền Nam tập kết, Lương Văn Nho đảm nhiệm các cương vị Trung đoàn phó Trung đoàn 1 Phân Liên khu miền Đông, Trung đoàn phó kiêm Tham mưu trưởng Trung đoàn 4 Nam Bộ, rồi Chủ nhiệm pháo binh Sư đoàn 338, Chủ nhiệm pháo binh Sư đoàn 330, Chủ nhiệm pháo binh Quân khu Hữu Ngạn.

Sau khi tốt nghiệp khóa pháo binh đầu tiên tại Học viện Trung Cao cấp, đầu năm 1964, Lương Văn Nho

trở về chiến trường Nam Bộ. Với trách nhiệm Chủ nhiệm pháo binh Miền, ông là tác giả của những trận đánh pháo binh nổi tiếng ở Bình Giã, sân bay Biên Hòa mà ý nghĩa của nó từng góp phần làm thay đổi cục diện chiến trường. Từ năm 1965, đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ” trực tiếp đưa quân chiến đấu Mỹ và chư hầu vào miền Nam Việt Nam. Cùng với việc chỉ đạo xây dựng quyết tâm đánh Mỹ và tìm cách đánh thắng Mỹ, Bộ Chỉ huy Miền khẩn trương xây dựng các đơn vị chủ lực mạnh. Lương Văn Nho chuyển sang làm Tham mưu trưởng Sư đoàn bộ binh 5 mới được thành lập, và ngay sau đó về làm Tư lệnh Đặc khu Rừng Sác, trực tiếp chỉ huy Đoàn 10 đặc công hoạt động trên địa bàn kiểm soát con đường thủy huyết mạch nối Sài Gòn với biển Đông. Các trận đánh tàu, tập kích kho xăng Nhà Bè và hệ thống kho tàng dự trữ phương tiện chiến tranh của Mỹ dọc các quân cảng... đã lưu ghi tên tuổi ông cùng Trung đoàn đặc công cảm tử Rừng Sác như những trang huyền sử.

Từ mùa thu năm 1967, cách mạng miền Nam dần tiến tới một cuộc tổng công kích chiến lược vào thủ phủ Sài Gòn. Chiến trường được bố trí lại thành năm phân khu hình thành năm hướng tấn công. Lương Văn Nho được cử làm Tư lệnh Phân khu 4 phụ trách một hướng tiến công Sài Gòn từ hướng đông, bao gồm một khu vực hình mũi tên bắt đầu từ một số quận ngoại thành Sài Gòn kéo dài tới Nhơn Trạch -

Bình Sơn tỉnh Biên Hòa. Cuộc tổng công kích xuân Mậu Thân kéo dài thành nhiều đợt. Giữa năm 1968, ông về làm Tư lệnh Khu 7 vừa được thành lập lại. Đến đầu năm 1970, khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh sang Campuchia, ông được điều về Tây Ninh, đảm nhiệm chức vụ Phó tham mưu trưởng Miền, trực tiếp chỉ huy Đoàn 370 (Tỉnh đội Tây - Phước - Bình), rồi kiêm Chỉ huy trưởng khu C.20, khu C.50. Tại đây, cùng với Ban Chỉ huy Khu, ông đã đề ra và tổ chức thực hiện nhiều hoạt động góp phần xây dựng căn cứ địa cách mạng bắc Tây Ninh, bảo vệ các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng miền Nam và tạo bàn đạp cho quân chủ lực Miền chuẩn bị tổ chức cuộc tập kích chiến lược trong “mùa hè đỏ lửa” năm 1972. Hiệp định Pa-ri ký kết. Lương Văn Nho chuyển sang phụ trách Đoàn 315 (Ban hướng dẫn thi hành Hiệp định ở B2), rồi cùng với Cục Tham mưu Miền làm tham mưu, xây dựng kế hoạch, tổ chức điều phối thực hiện nhiệm vụ trong những năm 1974, 1975 cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Trong suốt cuộc chiến tranh ba mươi năm, ở bất cứ cương vị nào, ông cũng để lại trong lòng cán bộ chiến sĩ ấn tượng một vị chỉ huy quân sự sẵn sàng có mặt nơi chiến trường nóng bỏng nhất, dũng cảm, mực thước và tận tụy.

*

* *

Chiến tranh kết thúc, Bộ Chỉ huy Miền giải thể. Đại tá Lương Văn Nho về làm Phó Tư lệnh Quân khu 7. Và bắt đầu từ đây, ông bước vào một mặt trận mới: chỉ đạo ngành lịch sử quân sự ở B2 và Quân khu 7.

Ngành lịch sử quân sự của Quân đội ta thành lập từ năm 1981, nhưng công việc tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã được đặt ra từ sau ngày chiến tranh kết thúc. Những thành tựu đầu tiên của ngành lịch sử quân sự ở Nam Bộ, ở Quân khu 7 đã được gầy dựng từ những năm cuối của thập niên 70.

Từ tháng 10 năm 1977, Đại tá Lương Văn Nho được phân công kiêm giữ trách nhiệm Trưởng ban Tổng kết chiến tranh B2 - một tổ chức do Bộ Tổng Tham mưu thành lập trên cơ sở phát triển Phòng Nghiên cứu - tổng kết trực thuộc Bộ Tham mưu Miền làm nhiệm vụ tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Ông cùng với các đồng chí lãnh đạo Ban đề ra kế hoạch lập thêm các phòng tổng kết từng quân khu thuộc chiến trường B2 cũ. Riêng với Quân khu 7, ông tỏ ra quan tâm đặc biệt, trực tiếp chỉ đạo việc tìm kiếm chia sẻ cán bộ, xác định nội dung nhiệm vụ, tập hợp hệ thống tư liệu... Cho đến khi tách khỏi đội hình Ban Tổng kết chiến tranh B2 về trực thuộc Bộ Tư lệnh Quân khu 7 (ngày 22 tháng 5 năm 1980), Phòng Nghiên cứu - tổng kết Quân khu 7 đã có một hành trang dày dặn với đội ngũ cán bộ hùng hậu (gồm các anh Trần Minh Tâm, Nguyễn Quang Minh, Nguyễn Viết Tá, Nguyễn Văn Hồng, Nguyễn Văn Hương, Hồ

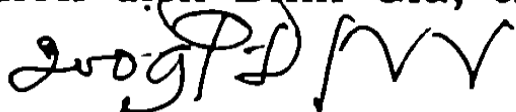
Quý Ba, Phan Oánh, Đoàn Văn Diên, Lê Du, Lê Hào, Nguyễn Thành Nam, Võ Trần Nhã...) và nhiều công trình tổng kết trận đánh, chiến dịch đã xuất bản.

Khi thôi kiêm nhiệm vụ Trưởng ban Tổng kết chiến tranh B2 (năm 1980), Thiếu tướng Lương Văn Nho tập trung chỉ đạo công tác tổng kết chiến tranh, biên soạn lịch sử quân sự của Quân khu. Ông chỉ đạo phát triển Phòng Nghiên cứu - tổng kết của Quân khu đồng thời thành lập các ban nghiệp vụ trực thuộc các tỉnh, thành, đặc khu, hình thành nên hệ thống tổ chức ngành lịch sử quân sự Quân khu 7. Từ 24 cán bộ chiến sĩ ban đầu, Phòng Nghiên cứu - tổng kết - sau đổi thành Phòng Lịch sử quân sự - bổ sung thêm nhiều cán bộ nghiên cứu trẻ được đào tạo cơ bản từ các nhà trường; nhiều sĩ quan vốn là nhà báo, nhà văn, cán bộ chỉ huy cấp sư đoàn có khả năng nghiên cứu biên soạn và kinh nghiệm thực tiễn từ các chiến trường trong kháng chiến chống Mỹ như Tạ Minh Khâm, Nguyễn Đức Hùng (Tư Chu), Lê Quang Mỹ, Nguyễn Thanh Tùng (Mười Cơ), Trần Ngọc Kiêm, Nguyễn Văn Lai, Trần Phấn Chấn, Trương Nguyên Tuệ, Đức Toàn... Các ban lịch sử quân sự địa phương cũng thu hút được nhiều cán bộ có kinh nghiệm thực tiễn và năng lực nghiên cứu tổng kết, có ban lên đến chục người. Có thể nói đây là thời đoạn hoàng kim về mặt tổ chức của ngành lịch sử quân sự Quân khu 7.

Cùng với việc xây dựng hệ thống tổ chức ngành, Thiếu tướng Lương Văn Nho bắt tay chỉ đạo triển

khai công tác sưu tầm tư liệu. Không bột đố gột nên hồ, đó là câu nói của miệng của ông. Do chiến tranh, nguồn sử liệu thành văn còn lại dường như không đáng kể. Ông yêu cầu cán bộ nghiên cứu tảo về các địa phương tìm gặp ghi âm lời kể của nhân chứng lịch sử, rồi tổ chức hàng loạt cuộc tọa đàm cung cấp tư liệu. Từng cuộc tọa đàm về từng chuyên đề khác nhau do ông trực tiếp chủ trì như Nam Kỳ khởi nghĩa, Cách mạng tháng Tám, căn cứ địa, bộ đội Bình Xuyên, lực lượng đặc công - biệt động; các chi đội 1, 6, 10, 11, Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa, Tiểu đoàn vận tải 320 Phân Liên khu miền Đông; các trận đánh, chiến dịch như La Ngà, Phước Thành, Bình Giã... đã mang lại hàng ngàn trang tư liệu quý giá. "*Kể chuyện chiến trường miền Đông Nam Bộ*" là tủ sách được xuất bản từ kết quả này. Giờ đây, những người kể chuyện ngày ấy đã về với tổ tiên. Có mấy ai biết rằng kết quả những "chiến dịch" sưu tầm tư liệu nêu trên đã trở thành nguồn sử liệu dường như duy nhất trong các cuốn lịch sử đã xuất bản được các nhà sử học trẻ ngày nay sao đi chép lại nhiều lần.

Vừa chạy vừa xếp hàng, Thiếu tướng Lương Văn Nho chỉ đạo các cơ quan nghiệp vụ khẩn trương tổng kết các trận đánh, chiến dịch điển hình, khẩn trương biên soạn lịch sử chiến tranh và lịch sử tổ chức đơn vị. Các công trình tổng kết chiến dịch phản công đánh bại cuộc hành quân Gian-xơn Xity (Junction City), chiến dịch Bình Giã, chiến dịch đường 2 - Bà Rịa,



071131

Long Khánh, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân và dân Long An, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân và dân Tây Ninh...; các công trình lịch sử miền Đông Nam Bộ kháng chiến, Chiến khu rừng Sác, Chiến khu Đ, Biên niên sử Quân khu 7... đều do ông trực tiếp chỉ đạo. Ông cùng cán bộ nghiên cứu đi khảo sát điền dã, lặn lội xuống Rừng Sác, vào rừng Chiến khu Đ, lên miệt biên giới Tây Ninh; cùng cán bộ nghiên cứu đến từng nhà dân hỏi và ghi chép lời kể nhân chứng. Với các đề tài lịch sử của quận huyện, phường xã, ông xuống tận nơi, cùng bàn bạc lập kế hoạch nội dung và biện pháp tổ chức thực hiện. Ông chỉ đạo viết lịch sử truyền thống xã Tân Thới Nhất – Hóc Môn, tổ chức hội nghị đầu bờ rút kinh nghiệm, rồi phổ biến rộng ra toàn Quân khu. Lịch sử ba mươi năm kháng chiến của một số tỉnh, huyện, xã được khởi viết trong giai đoạn này đều có dấu ấn của ông. Tiếc thay, khi hầu hết các công trình nói trên được xuất bản thì ông đã ra người thiên cổ.

*

* *

Khi tôi được cử làm thư ký cho Thiếu tướng Lương Văn Nho (năm 1981) thì sức khỏe của ông đã giảm sút nhiều. Ông đi lại, nói năng khó khăn, tay run khi cầm bút. Và điều tôi muốn nói ở đây là, dường như ông đã tiên liệu được những gì phải đến, tiên liệu được quãng thời gian còn lại của đời mình.

Vì thế chẳng, ông làm việc như tranh cướp với thời gian, làm việc mê mải trong điều kiện phải chiến đấu quyết liệt với bệnh tật, các vết thương di chứng của một thời chiến tranh. Với ông, không có ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ. Cả khi bất đắc dĩ phải nằm điều trị trong bệnh viện, ông cũng gọi tôi vào đọc tài liệu, báo cáo tiến độ thực hiện từng đề tài. Và như biết mình không còn kịp nhìn thấy công trình xuất bản, ông bảo tôi phác thảo ma-két, miêu tả cuốn sách rồi sẽ ra sao.

Thiếu tướng Lương Văn Nho ra đi chẳng để lại gì. Cả ba người con của ông - Phượng, Dân, Nhã - đều đã mất từ trong chiến tranh. Tài sản và cả ngôi nhà ông ở cũng không còn nữa. Mai sau, ngành lịch sử quân sự Quân khu 7 rồi sẽ phát triển, sẽ sản sinh ra những nhà sử học tài ba với các công trình khoa học đồ sộ xứng tầm. Người ta có thể quên đi nhiều thứ, nhưng không được quên cái nền móng, quên người xếp những viên gạch ban sơ làm nên nó. Đó, không ai khác, chính là ông Hai Nhã - Thiếu tướng Lương Văn Nho, *“một nhà làm sử quân đội cần mẫn, tận tụy, có lối nhìn và phương pháp khoa học Mácxít”* (nhận xét của Giáo sư sử học Trần Văn Giàu), một người đã đem trọn vẹn cuộc đời mình phụng sự cho sự nghiệp xây dựng quân đội chiến đấu giải phóng dân tộc và tận lực sưu tầm ghi chép lại sự nghiệp ấy!

Sài Gòn, chớm mưa 2007

H.S.Đ

NGƯỜI ANH MẪU MỰC

Đỗ Thị Cúc

Mẹ tôi sinh ra trong một gia đình nông dân ở miền quê hẻo lánh của làng xóm Trầu, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Biên Hòa, hiện nay thuộc tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình đi làm ăn kiếm sống, cô con gái xóm Trầu đem lòng yêu mến chàng trai quê ở Tân Ba, Tân Uyên, Biên Hòa. Vì quá yêu nhau nên họ đã có con ngoài giá thú. Theo tục lệ xưa cha mẹ chồng không nhận, không cho về nhà chồng. Từ đó, đôi trai gái đưa nhau về ở ven rừng xóm Trầu quê ngoại, ngày ngày vào rừng khai hoang trồng lúa, trồng điều. Cuộc sống khó khăn nhưng tràn đầy hạnh phúc. Họ đã lần lượt hạ sinh được 6 người con, 3 trai, 3 gái. Lúc đầu không có giá thú, 4 người con lấy họ mẹ: Lương Văn Nho, Lương Thị Xuyên, Lương Văn Chấn, Lương Thị Mẫn; 2 người con sau lấy họ cha là Đỗ Văn Buông và Đỗ Thị Cúc. Cặp vợ chồng đó chính là Ba - Mẹ tôi.

Bằng sức lao động, ba mẹ đã nuôi dạy dỗ cho con

ăn học. 6 anh em lần lượt lớn lên về thể xác lẫn tinh thần trí tuệ. Người lớn dìu dắt người nhỏ nên người. Anh Lương Văn Nho, còn gọi là anh Hai Nhã sau này, là anh lớn nhất được ăn học từ các trường xã, huyện, tỉnh, Sài Gòn. Anh học giỏi được thầy cô Trường Pétrus Ký yêu mến. Khi ra trường anh làm thư ký kho bạc Biên Hòa và anh đã có gia đình riêng sinh sống tại Biên Hòa, lần lượt hạ sinh được 3 người con, 1 trai, 2 gái.

Khi đã trưởng thành anh càng thấu hiểu được sự vất vả tần tảo của ba mẹ nuôi con ăn học và anh đã giúp mẹ chăm lo nuôi các em sau anh để được tiếp tục học hành nên người như Lương Văn Chân, Đỗ Văn Buông, Đỗ Thị Cúc. Bằng đồng lương công chức cùng mẹ đã nuôi 3 con và lần lượt các em đi học qua ngày. Vì đồng lương có hạn, 2 người con bị bệnh (2 chị gái) chạy chữa không kịp đã qua đời, còn lại 1 con trai duy nhất, theo anh đi kháng chiến.

Những năm 1945-1946, Nhật-Pháp đánh nhau ném bom Sài Gòn. Các phe phái bắt anh (không rõ nhóm Đệ Tam hay Đệ Tứ). Anh bỏ trốn theo Vệ quốc đoàn kháng chiến. Từ đó, anh giữ trọng trách chỉ huy các đơn vị trong rừng quanh xứ Long Thành.

Tôi còn nhớ hôm đó, lúc 7 giờ sáng ngày 8 tháng 1 năm 1946 (tức 6-2 âm lịch), giặc Pháp tấn công vào xóm Trầu. Chúng càn quét bắt bớ, gặp đàn ông là chúng bắn chết. Đi theo trận càn có tên chỉ điểm, hấn chỉ bắt mẹ tôi, chúng tra tấn đánh đập, dò tìm tung

tích anh Nho. Cuối cùng mẹ không khai, chúng bắn chết mẹ tôi. Lúc đó đơn vị anh Nho đóng quân gần đầu đó. Đến khuya anh về thăm nhà không thấy ai, chỉ thấy nhà đang cháy và có nấm mồ leo lét đèn ngoài vườn nhà, nén nỗi đau trong lòng, anh đi tìm vợ con và tôi. Cũng từ đêm hôm đó anh đưa vợ con và em gái đi cùng với anh. Những ngày sau đó anh và đơn vị đã tham gia chặn đánh nhiều trận càn quét ở xã, ở huyện. Anh bị thương, được đồng đội cứu chữa kịp thời đã qua khỏi. Lúc bấy giờ anh giữ các trọng trách của đơn vị như đại đội trưởng, chi đội trưởng ... anh được anh em đồng đội tin yêu quý trọng. Vợ và con trai theo anh đi kháng chiến. Con lâm bệnh vì khó khăn thuốc men, không chạy chữa kịp thời nên qua đời. Con mất lại dằn thêm cho anh nỗi đau thương mất mát về tình cảm, làm cho anh khắc khổ hơn, nhưng bù lại Anh càng hăng say phấn đấu trên con đường anh đã chọn.

Những năm sau đó, anh đã công tác ở nhiều đơn vị chiến đấu, các em của anh cũng đi theo con đường cách mạng của anh, đã lần lượt qua 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam. Anh là người chỉ huy sống chan hoà, giản dị, chân tình với anh em, chăm lo quý trọng thương mến anh em. Anh cùng các đơn vị lập được nhiều chiến công vang dội như La Ngà trong kháng chiến chống Pháp. Sau này trong chống Mỹ, anh tham gia nhiều trận như pháo kích sân bay Biên Hòa,

đánh bại cuộc càn quét của địch mang tên Gian-xơn Xi-ty, chỉ huy đánh địch tại Đặc khu Rừng Sác v.v...

Đến những năm sau 1975, anh được phong Thiếu tướng, giữ chức Tư lệnh phó Quân khu 7. Anh sống lành mạnh giản dị hiền hòa, say sưa với công việc, làm việc không có ngày nghỉ, ngay cả ăn uống bản thân anh không quan tâm đến. Trước những sai trái anh thẳng thắn nghiêm khắc. Anh rất cố gắng không gây phiền hà cho ai. Ngày cuối cùng anh đi họp, đóng đảng phí và gục luôn tại bàn làm việc. Khi anh ra đi, trong tay anh không có một tài sản gì riêng tư.

Với tôi, anh là một tấm gương mẫu mực, toàn tâm toàn ý cho cách mạng đúng như lời Bác Hồ “Vì nước quên thân - vì dân quên mình”, người con và người anh đáng kính của gia đình. Anh để lại trong tôi tình thương yêu, kính trọng khôn nguôi. Anh sống mãi mãi trong tôi và mọi người.

D.T.C

ANH HAI NHO NHỮNG LẦN TÔI ĐƯỢC GẶP

Nguyễn Thị Minh Tâm

Trăng khuya chênh chếch sau rặng cây mà tôi vẫn còn thao thức và chuẩn bị cho chuyến đi công tác xa vào ngày mai. Chiều tối hôm sau tôi và khoảng một tiểu đội qua bến đò Tân Tịch bằng qua rừng chồi Tân Phong ven sân bay Biên Hoà, qua mấy lô cao su đưng đường 20, nơi đây địch thường phục kích. Cả tiểu đội băng lên đường lộ thật nhanh để đến rừng chồi và sau đó đi luôn xuống Vĩnh Cửu, cùng kết hợp 1 tiểu đội của Trung đội 5 (Đại đội Lam Sơn) đi xuống quân giới Khu 7 đóng tại Long Thành để sửa cây F.M đầu bạc. Đoàn phải đi đêm băng qua Vung Bàu bằng ghe lớn vì đoạn sông tàu địch thường tuần tra bắn dọc theo bờ. Đoàn đi qua mấy lô cao su Phú Hội, Phú Mỹ và đến xã Phú An. Đến văn phòng Đại đội C gặp anh Hai Nho. Anh Hai thấy tôi cười và hỏi từ chiến khu xuống công tác có mệt không?. Tôi chưa kịp trả lời anh hỏi tiếp, tới văn

phòng và hỏi tìm anh Tươi có chuyện gì? Tôi nói anh Tươi là anh nuôi trong gia đình¹. Đến đây anh Hai mới cười oà lên. Thú thật đến lúc này tôi mới biết là anh trêu tôi. Anh Hai tính tình hiền hoà và rất quan tâm đến cấp dưới. Anh nói thấy em còn nhỏ tham gia cách mạng sớm anh rất thương và anh tưởng nhớ đến gia đình mẹ anh mới mất, còn các em tham gia cách mạng mỗi đứa mỗi nơi, chỉ có người em thứ ba Lương Thị Xuyên tạm bán quán tại Bà Bông, còn anh có 3 cháu nhưng do bệnh đều mất cả². Anh nói cứ ở tạm khi nào công tác xong cùng đoàn về Mỹ Lộc (Chiến khu Đ), nhưng nhớ qua Bà Bông vì nơi đó rất vui.

Bẵng đi một thời gian, đầu năm 1949, tôi qua thăm sức khoẻ anh Lung, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 310 thì gặp anh Hai Nho. Anh rất mừng và hỏi em ở đâu? Tôi nói em ở sát bên nên thường qua đây vì quân y và văn phòng Trung đoàn đóng gần bên nhau (dốc Bà Nghiêm, Mỹ Lộc). Lúc ấy tôi được giao nhiệm vụ chăm sóc sức khoẻ của anh và cũng thường qua để được anh Lung cho đồ ở thành gửi vô. Gặp tôi lần nào sau khi hỏi chuyện gia đình, công tác là anh Hai lại nhắc tôi cố gắng học tập, trau dồi chuyên môn. Có lẽ từ sự nhắc nhở của anh mà sau đó tôi tích

¹ Anh Trần Văn Tươi đầu năm 1945 là Đội trưởng thiếu nhi đã kết nạp tôi vào đội. Khi Pháp tái chiếm Nam Bộ, anh Tươi thoát ly đi vào chiến khu.

² Chị Lương Thị Xuyên sau thời chống Mỹ hoạt động nội đô, bị địch bắt, cả hai vợ chồng đều được công nhận liệt sĩ.

cực học tập chuyên môn và tham gia nhiều hoạt động của đơn vị hơn.

Cuộc kháng chiến chống Pháp ngày càng ác liệt. Anh Hai thường ở phía trước nên tôi không có dịp gặp. 14 năm sau (1964) tôi gặp anh Hai Nho tại Chiến khu Đ khi anh vừa nhận nhiệm vụ Tư lệnh Pháo binh Miền. Lúc đó tôi công tác tại Ban Tham mưu U80, sau này là Đoàn 5. Chồng tôi là anh Phu, cùng công tác ở Pháo binh Miền, hy sinh tháng 12 năm 1963. Lúc này trên tay tôi đang bồng con nhỏ, tên là Trung, con anh Phu. Anh rất vui mừng và bồng cháu Trung vào lòng nói: “Anh và Phu đã từng công tác ở Long Thành. Sau này Phu về Bắc Sơn của Đại đội trưởng Nguyễn Văn Nghĩa. Khi ra Bắc anh và Phu, Bùi Cát Vũ và một số đồng chí đi học chung lớp ngành pháo binh tại Thẩm Dương (Trung Quốc). Khi về Nam, Phu được chọn đi đầu tiên xây dựng binh chủng pháo. Khi nghe tin Phu hy sinh anh rất buồn, vì anh và Phu có nhiều gắn bó. Nhã ý anh Hai muốn nhận cháu Trung làm con đỡ đầu. Tôi cũng trình bày anh Phu duy nhất chỉ có đứa con trai nhưng tình hình ở chiến khu ngày càng căng thẳng, địch đánh bom B52 và liên tục rải chất độc hoá học, nên em phải đưa cháu Trung về thành để ngoại nuôi, để rảnh lo công tác. Sau đó tôi lại chuyển công tác về Đoàn 429 (đặc công) nên không còn dịp gặp anh Hai như trước đây.

Mãi đến sau giải phóng, tôi có đưa cháu Trung lên nhà anh Hai tại đường Nam Kỳ Khởi nghĩa. Anh

rất vui, mời tôi ở lại ăn cơm chiều với chị hai. Trong bữa ăn, anh Hai tỏ ý muốn đào tạo cháu Trung trở thành sĩ quan nhưng tôi có nói “ba cháu đã hy sinh, mong anh giúp đỡ cho cháu xuất ngũ để được đi học thêm”. Anh Hai nhất trí đề nghị của tôi.

Nghe anh Hai nói nhất trí, tôi vừa mừng lại vừa thương anh. Vì tôi biết anh Hai xuất thân là một công chức kho bạc (Biên Hoà), gia đình ở tại xóm Trầu xã Long An, huyện Long Thành nhưng sớm tham gia cách mạng. Mẹ là cơ sở cách mạng nên bị địch càn, bắn chết. Anh từ trong căn cứ sâu về thấp nhang trên mộ mẹ (1-1946) và thoát ly luôn. Còn lại 6 em mỗi người ở mỗi nơi, cùng tham gia cách mạng. Ở chung cùng Chi đội 10 có người em là Đỗ Sơn Hà hy sinh tại Đất Cuốc trong một trận chống càn (tên thật Đỗ Văn Buông), em thứ sáu. Anh Lương Văn Chấn (em thứ tư) hy sinh tại xã Phước Thọ. Em thứ ba, chị Lương Thị Xuyên thời chống Mỹ hoạt động nội đô bị địch bắt tù đầy đến chết, sau này hai vợ chồng chị đều được công nhận liệt sĩ. Cháu Đỗ Văn Hải (con liệt sĩ Đỗ Sơn Hà) có thời gian công tác pháo binh sau này hy sinh, cháu gọi anh Hai Nho bằng bác. Cuộc đời anh chịu hy sinh mất mát quá nhiều.

Sau này thỉnh thoảng tôi lên thăm anh Hai, nhà rộng thênh thang không một tiếng trẻ thơ, đôi lúc anh buồn nhưng không bao giờ nghĩ việc riêng tư. Anh dồn sức lực trí tuệ vào trong công tác. Từ những lần gặp mặt trong kháng chiến và khi đất nước đã

hòa bình, đối với tôi anh Hai Nho là một cán bộ lãnh đạo nhưng luôn quan tâm đến cấp dưới, sống có tình nghĩa và giáo dục cấp dưới luôn lạc quan cách mạng. Có lẽ sự lạc quan đó đã tạo động lực để anh vượt qua bệnh tật làm việc cách mạng cho đến hơi thở cuối cùng.

Khi sống anh toàn tâm toàn ý vào công tác của Đảng giao. Khi trái tim ngừng đập, bản thân riêng tư anh không có gì. Anh mất đi để lại lòng kính mến của cán bộ cấp dưới, tình yêu thương kính trọng của bạn bè và cũng là một cán bộ chân chính xứng đáng là tấm gương cho mọi người noi theo.

N.T.M.T

ANH HAI NHÃ VỚI CHIẾN THẮNG VANG DỘI MỞ ĐẦU NGÀY TRỞ VỀ

Đại tá Lê Hồng Lĩnh

Tôi được biết tên anh Hai Nhã (Lương Văn Nho) vào tháng 6 tháng 7 năm 1949 khi anh Lê Đức Thọ giới thiệu tôi là nhân viên kiểm tra của Trung ương Đảng đi kiểm tra các tỉnh và trung đoàn ở Biên Hòa, Thủ Dầu Một. Lúc đó anh Hai Nhã đã nổi tiếng là người cán bộ xây dựng và chỉ huy chiến đấu có tiếng của miền Đông Nam Bộ tiếp theo các anh Huỳnh Văn Nghệ, Nguyễn Văn Thi, Tô Ký, Nguyễn Văn Công, Trần Thắng Minh, Hứa Văn Yển, Trần Đình Xu.. phải đến một năm sau tôi mới có điều kiện được trực tiếp gặp anh.

Anh Hai Nhã sinh năm Bính Thìn (1916) ở Tân Ba huyện Tân Uyên là huyện có truyền thống đấu tranh liên tục chống thực dân Pháp khi chúng xâm lược nước ta và đặt ách cai trị ở Biên Hoà. Quê hương anh Hai Nhã cũng là quê hương của anh Tám Nghệ

(Huỳnh Văn Nghệ). Khi giặc Pháp gây lại chiến tranh ở Nam Bộ, anh Hai Nhã là một trong những người tổ chức nên bộ đội ở Long Thành. Tháng 5 năm 1946, anh Huỳnh Văn Nghệ, Ủy viên Quân sự Ủy ban Hành chính Biên Hoà triệu tập Hội nghị Quân sự toàn tỉnh Biên Hoà ở Đất Đền, xã Tân Hoà, huyện Tân Uyên. Anh Hai Nhã thay mặt cho lực lượng vũ trang ở Long Thành tới dự và rất đồng ý việc thống nhất các lực lượng vũ trang Biên Hoà để tăng cường sức mạnh cho kháng chiến.

Tháng 6 năm 1946, Khu trưởng Khu 7 ra quyết định thống nhất các khu vực phòng thủ ở Biên Hoà lấy tên là Chi đội 10 Biên Hoà. Ban chỉ huy Chi đội được thành lập gồm Huỳnh Văn Nghệ - Chi đội trưởng, Huỳnh Văn Đạo, Nguyễn Văn Lung - Chi đội phó, Phan Đình Công - Chính trị viên. Chi đội gồm 3 đại đội A, B, C và các cơ quan trực thuộc. Anh Hai Nhã (Lương Văn Nho) làm Đại đội trưởng Đại đội C, Đại đội phó là Nguyễn Văn Toàn, Chính trị viên Lương Văn Phảng.

Trong trận La Ngà (3-1948), Tiểu đoàn C do đồng chí Lương Văn Nho làm Tiểu đoàn trưởng, là đơn vị khoá đuôi phía La Ngà, đã góp phần đắc lực cho chiến thắng thêm giòn giã và vang dội.

Do có nhiều công trạng trong chiến đấu và xây dựng đơn vị, anh Hai Nhã được đề bạt lên làm Trung đoàn phó Trung đoàn 310 và được cử làm Tỉnh đội trưởng Bà Rịa. Sau đó, khi tôi được cử làm Phó Chính

trị viên của tỉnh lớn Thủ Biên do anh Tám Nghệ làm Tỉnh đội trưởng thì anh Hai Nhã được cử làm Tỉnh đội phó Tỉnh đội Bà Chợ do anh Trần Thắng Minh làm Tỉnh đội trưởng. Trong thời kỳ anh Hai Nhã ở Bà Rịa và Bà Chợ có mấy trận đánh có giá trị lớn. Đó là trận tập kích tiểu khu Cần Giờ của Tiểu đoàn 300 do Tiểu đoàn phó Đặng Kim Ba trực tiếp trinh sát địa hình và trực tiếp chỉ huy. Đó là trận binh chủng chuyên môn Liên huyện đánh chìm tàu Saint Loubert Bié (Xanh-lu-be Bi-ê). Ta lấy được rất nhiều hàng hoá, chiến lợi phẩm, trong đó có mấy trăm xe đạp Peugeot cấp cho cán bộ trong tỉnh và các tỉnh miền Đông và Quân khu.

Tập kết ra miền Bắc, anh Hai Nhã về Sư đoàn 338 còn tôi thì về Sư đoàn 330. Anh được cử sang bổ túc quân sự ở Trung Quốc chuyên về pháo binh.

Đầu năm 1959 do y sĩ nhà trường cho tôi uống thuốc giun khi tôi bị đau dạ dày nên tôi bị ngất khi đi dã ngoại do xuất huyết bao tử. Được cấp cứu về Bệnh viện 108, người đưa tôi lên thang máy để vào Khu A1 của Bác sĩ Trần Nam Hưng lại chính là chị Hai Nhã. Tôi đang thiu thiu ngủ, mở mắt ra thì tôi nhận ra chị Hai và chị Hai cũng nhìn ra tôi. Thật không có con người nào lịch thiệp mà lại xốc vác như chị Hai. Một mình chị mà đưa tôi nằm “bất động” ở cáng vào thang máy và đưa lên tận phòng điều trị. Tôi thầm cảm ơn chị.

Tôi nhớ vào khoảng năm 1961 hay năm 1962

nghe tin anh Hai Nhã đã đi học ở nước ngoài về, tôi đến tìm gặp anh ở căn phòng dành cho chị Hai trong khu tập thể ở Bệnh viện Bạch Mai. Anh Hai hỏi thăm tôi về việc học tập chính trị và quân sự ở Trường Trung cao chính trị và kể chuyển việc học tập ở Trung Quốc. Tôi đoán chắc anh Hai sẽ sớm được cử trở về chiến trường.

Giữa năm 1963 anh Hai Nhã (Lương Văn Nho) đã trở về chiến trường cũ: miền Đông Nam Bộ gian lao mà anh dũng. Anh được Bộ Chỉ huy Miền phân công phụ trách tác chiến của pháo binh. Tháng 10 năm 1963, Bộ Chỉ huy Miền thành lập Đoàn Pháo binh U80 chủ lực Miền do đồng chí Lương Văn Nho làm đoàn trưởng.

Ngày 1 tháng 10 năm 1963, đồng chí Trần Đình Xu - Tham mưu trưởng Miền chuyển ý định của Tư lệnh Miền giao cho pháo binh một nhiệm vụ đột xuất là tập kích sân bay Biên Hòa bằng hoả lực. Đồng chí Trần Đình Xu còn nói: theo báo cáo của biệt động và quân báo, tuy rất khó khăn nhưng pháo ta có khả năng đột nhập bắn vào sân bay.

Sáng 2 tháng 10, anh Lương Văn Nho cùng đồng chí Trần Đình Xu đến gặp đồng chí Lê Quang Vũ - Trưởng phòng Quân báo Miền và được trao cho cả tập hồ sơ về sân bay Biên Hòa, trong đó có bản đồ sân bay cùng nhiều tư liệu quân báo ta thu thập được về sân bay.

Nghiên cứu trên bản đồ và các tư liệu suốt buổi sáng với Điều mạnh là người địa phương và đã từng làm việc mấy năm ở thành phố Biên Hoà, sơ bộ tính toán các việc phải làm và làm cho được, bảo đảm giành được thắng lợi mà bảo vệ được lực lượng ta và mặc dù chưa tiến hành trinh sát trên thực địa, anh Lương Văn Nho báo cáo với Tư lệnh Miền là thực hiện được nhiệm vụ.

Sau khi nghe anh Hai Nhã báo cáo, Tư lệnh Trần Văn Trà chính thức giao nhiệm vụ:

“... Căn cứ vào địa hình và sơ hở của địch, Bộ Chỉ huy Miền quyết định dùng hoả lực tập kích vào sân bay Biên Hòa, chủ yếu tập trung vào khu vực để máy bay B57, AD6, kho tàng và nhà ở của bọn Mỹ. Đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, tạo điều kiện cho chiến dịch sắp tới giành được thắng lợi. Thay mặt Bộ Chỉ huy Quân sự Miền tôi giao nhiệm vụ này cho pháo binh. Dù hao tổn đến mấy, dù khó khăn đến cách nào, các đồng chí phải làm cho kỳ được và phải hoàn thành thắng lợi. (Chiến dịch sắp tới là chiến dịch Bình Giã do đồng chí Trần Đình Xu làm Chỉ huy trưởng).

Chuẩn bị cho trận đánh một tổ trinh sát nghiên cứu gồm 7 cán bộ pháo binh và tham mưu Miền đã được phái đi điều nghiên trong 12 ngày. Anh em đã mò vào hàng rào cuối cùng để quan sát sân bay nắm vững cách bố phòng, các khu vực máy bay, kho tàng, nhà ở, chọn nơi đặt trận địa pháo, đo đạc cự ly, tìm

vật chuẩn, đường đi lối về cho quân ta.

Sân bay Biên Hòa cách Sài Gòn 30 kilômét về hướng đông bắc, nằm ở phía bắc thành phố Biên Hòa. Diện tích 40 kilômét vuông. Sân bay có hai đường băng, một dài 3.600 mét, một dài 1.000 mét. Có thể chia sân bay làm 6 khu vực khác nhau: khu chứa máy bay B57 loại ném bom chiến lược của Mỹ, khu vực máy bay cường kích Xơ-ray-dơ AD6, khu vực chứa máy bay trinh sát L19, trực thăng và máy bay vận tải, khu nhà ở của bọn sĩ quan Mỹ, nhà ở của sĩ quan ngụy, khu kho bom, khu xăng.

Sân bay được bảo vệ rất nghiêm ngặt. Vòng ngoài sân bay là hệ thống lô cốt dày đặc dọc theo trục đường tuần tra, liên tục suốt đêm ngày đều có lực lượng chốt gác, tuần tra.

Lực lượng địch bảo vệ sân bay có một tiểu đoàn dù, một tiểu đoàn thủy quân lục chiến, một đại đội pháo, một đại đội khuyến 100 con chó bécgiê. Phối hợp với lực lượng quân Mỹ ở tuyến trong, các đơn vị của Sư đoàn 5 ngụy còn liên tục tổ chức càn quét lòng sục ngoài vùng ngoại vi, nhằm ngăn chặn đề phòng các đơn vị đặc công, pháo binh của ta tiếp cận tập kích vào sân bay.

Tuy địch bố trí bảo vệ nghiêm ngặt như vậy nhưng có điều sơ hở lớn là các loại máy bay đều đậu ngoài trời, vùng bãi đậu không có công sự che chắn.

Về phía ta cũng có nhiều khó khăn đó là:

- Tìm chỗ đặt trận địa pháo ở cự ly gần sân bay để bảo đảm cho pháo cối bắn chính xác vào sân bay và bảo vệ được các trận địa ấy.

- Bảo đảm được bí mật khi đưa pháo vào trận địa qua các hàng rào bảo vệ và các áp chiến lược địch.

- Bảo đảm đưa pháo vào trận địa, thực hiện pháo kích và rút lui về qua sông Đồng Nai trong đêm tránh được phải vượt sông trở về trong lúc trời đã sáng, có nguy cơ bị máy bay địch từ Tân Sơn Nhất đến truy kích, ngăn chặn.

- Huy động đủ ghe xuồng để đưa lực lượng qua sông và đón về trong thời gian ngắn nhất để bảo đảm thời gian cho trận tập kích hoàn thành trong đêm, trong khi ghe xuồng trong dân ở vùng này rất ít.

Trước khó khăn này, anh Hai Nhã người chỉ huy trận tập kích đã tính toán rất tỉ mỉ, kỹ lưỡng để đi đến quyết định. Tỉnh ủy tỉnh Phước Thành và Tỉnh đội trưởng Phước Thành - Lưu Phước Anh đã huy động được cho bộ đội pháo binh 8 chiếc ghe chở được 6 đến 8 người và 2 chiếc ghe máy lớn vốn chở muối có thể chở được nhiều người góp phần giải quyết vấn đề sang sông.

Tính toán thời gian bảo đảm đánh và đi về trong khoảng 10 tiếng đồng hồ, anh Hai Nhã đã quyết định: bớt pháo nặng mà tăng số đạn cho trận tập kích pháo.

Chiều 31 tháng 10 năm 1964, lực lượng pháo binh Miền được tăng cường đại đội pháo mang vác

của Quân khu miền Đông do anh Hai Nhã chỉ huy gồm 7 khẩu cối 81mm, 2 khẩu ĐKZ 75mm, 2 lựu pháo 70mm tập kết ở Tân Hoà bờ bắc sông Đồng Nai bắt đầu hành quân chiến đấu.

6 giờ chiều, được sự giúp đỡ của nhân dân và lực lượng địa phương tỉnh Phước Thành và huyện Vĩnh Cửu và được Tiểu đoàn 5 của Trung đoàn bộ binh 2 làm nhiệm vụ chốt đường và bảo vệ, bộ đội pháo binh đã vượt sông gọn gàng. Anh em đã nhanh chóng bôn tập len lỏi ngoài rìa các ấp chiến lược tiến đến nơi đặt trận địa an toàn. Đến 23 giờ, toàn bộ lực lượng chiến đấu của ta đã vào chiếm lĩnh trận địa ở phía nam đồi Tân Phong và tây nam núi Bùng Bình an toàn.

Đúng 23 giờ 20 phút ngày 31 tháng 10 năm 1964, trên cả hai hướng trận địa pháo ta đồng loạt bắn vào sân bay. Đài trinh sát chỉ huy của hai trận địa nằm trên cây độc lập cách mục tiêu lớn 1000 mét hiệu chỉnh chính xác. Chỉ sau hai loạt bắn, trên sân bay đã xuất hiện nhiều đám cháy. Chỉ huy hai trận địa lệnh các trận địa bắn cấp tập toàn bộ cơ số đạn. Sau 20 phút chiến đấu, các đơn vị nhanh chóng rút khỏi trận địa.

Sau ít phút bất ngờ, địch phản pháo vào hướng ta đặt trận địa. Một máy bay trực thăng, 1 Đa-cô-ta từ Tân Sơn Nhất bay vòng quanh sân bay thả pháo sáng và bắn xăm dọc theo tuyến đường ra sông Đồng Nai. Mặc dù mưa lớn nhưng nhờ có pháo sáng địch, lực lượng ta đã bám cặp theo rìa ấp chiến lược, rìa bót

của địch rút nhanh về căn cứ. Đến 5 giờ sáng ngày 1 tháng 11, toàn bộ lực lượng đã về đủ, vượt qua sông Đồng Nai an toàn.

Kết quả trận đánh độc lập đầu tiên vào sân bay Biên Hòa của pháo binh Miền, với 176 viên đạn cối, ĐKZ, lựu pháo ta đã bắn cháy và hỏng 59 máy bay các loại, trong đó có cả máy bay B57, làm nổ 2 khu bom, phá sập nhiều trại lính, tiêu diệt nhiều phi công và nhân viên quân sự của địch. Ta không có thương vong nào.

Sáng 1 tháng 11 năm 1964, các đài phát thanh phương Tây đưa tin: cuộc tập kích của Quân giải phóng đêm 31 tháng 10 vào sân bay Biên Hòa đã phá hủy 19 máy bay, trong đó có 7 chiếc B57 và 27 người Mỹ.

Cũng sáng sớm 1 tháng 11 năm 1964, Đại tướng Taylor, đại sứ Hoa Kỳ tại miền Nam Việt Nam, người kiến trúc chiến lược “chiến tranh đặc biệt” đã phải ngán ngẩm trước cảnh sân bay Biên Hòa bị bắn phá tan hoang: I don't like it! (Tôi không thích cảnh này chút nào!).

Đúng là “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ trên bờ sụp đổ bị giáng thêm một đòn chí tử.

Theo báo Nhân dân, cơ quan Trung ương của Đảng Lao động Việt Nam (Đảng Cộng sản Việt Nam ngày nay) số ra ngày 12 tháng 11 năm 1964, Bác Hồ với bút danh Chiến sĩ đã có thơ khen ngợi chiến thắng sân bay Biên Hòa: